

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-11-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Lê Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Khu H, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Khu H, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Bà V, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Trần Thị V trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn S kết hôn với nhau vào năm 1985 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng bà ở riêng tại xã T. Quá

trình chung sống, hai bên chỉ hòa thuận với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình. Mặc dù bà đã bỏ qua cho ông S nhiều lần và gia đình đã khuyên bảo nhưng ông S vẫn không chịu thay đổi. Bà và ông S đã sống ly thân được 4 năm, không quan tâm đến nhau. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông S nữa nên đề nghị được ly hôn ông S.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Lê Kiều T, sinh ngày 28/7/1988 và Lê Hải Q, sinh ngày 09/12/1992 đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lê Văn S trình bày: Ông xác nhận về thời gian kết hôn, chung sống như bà V trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do thỉnh thoảng ông có uống rượu dẫn đến hai bên cãi, chửi nhau. Thời điểm mới kết hôn, ông thừa nhận có đánh bà V. Ông và bà V đã sống ly thân được 4 năm, bà V đi trông cháu ở Hà Nội còn ông thì sinh sống tại xã T. Do mỗi người một nơi nên ông không có biện pháp hàn gắn tình cảm với bà V. Đến nay, ông vẫn còn tình cảm với bà V nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Lê Kiều T, sinh ngày 28/7/1988 và Lê Hải Q, sinh ngày 09/12/1992 đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, khoản 1 Điều 228, Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V được ly hôn ông Lê Văn S.

+ Về con chung: Chị Lê Kiều T, sinh ngày 28/7/1988 và Lê Hải Q, sinh ngày 09/12/1992 đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết.+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Bà V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú của bị đơn là tại xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, bà Trần Thị V và ông Lê Văn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V, ông S.

[2] Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị V và ông Lê Văn S đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của bà V, ông S và chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S uống rượu dẫn đến hai bên đánh, chửi nhau và vợ chồng ly thân được một thời gian dài, không quan tâm đến nhau. Bà V xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn ông S là có căn cứ, cần chấp nhận. Ông S đề nghị được đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, ông không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà V và ông S có 02 con chung là Lê Kiều T, sinh ngày 28/7/1988 và Lê Hải Q, sinh ngày 09/12/1992 đều đã trưởng thành nên việc nuôi con không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà V và ông S không yêu cầu nên không phải giải quyết

[2.4] Về án phí: Bà V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V được ly hôn ông Lê Văn S.
2. Về con chung: Chị Lê Kiều T, sinh ngày 28/7/1988 và Lê Hải Q, sinh ngày 09/12/1992 đều đã trưởng thành nên việc nuôi con không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không phải giải quyết.
4. Về án phí: Bà Trần Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0004529 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Bà V đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, bà V, ông S có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Tây Cốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Thắng

